**HIỆP HỘI CAO SU VIỆT NAM**

**THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung hồ sơ** | **Người chịu trách nhiệm** | **Hình thức** |
| 1 | Đơn đăng ký sử dụng Nhãn hiệu Cao su Việt Nam | Thủ trưởng đơn vị | Theo mẫu – Bản gốc |
| 2 | Bản cam kết về việc sử dụng Nhãn hiệu Cao su Việt Nam | Thủ trưởng đơn vị | Theo mẫu – Bản gốc |
| 3 | Bản Thông tin về sản phẩm đăng ký và năng lực phòng quản lý chất lượng | Thủ trưởng đơn vị | Theo mẫu – Bản gốc |
| 4 | Chứng từ nộp lệ phí thẩm định (Bổ sung sau) | Đại diện đơn vị | Theo mẫu – Bản gốc |
| 5 | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đăng ký lần đầu và lần gần nhất) | Cơ quan có thẩm quyền | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 6 | Quyết định thành lập nhà máy sản xuất sản phẩm đăng ký | Cơ quan có thẩm quyền | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 7 | Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu của doanh nghiệp | Cục Sở hữu trí tuệ | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 8 | Bản công bố hợp chuẩn hoặc Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn đối với sản phẩm đăng ký | Doanh nghiệp/Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng/Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 9 | Giấy chứng nhận hệ thống quản lý tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, năng lực phòng kiểm nghiệm…(ISO 9001; ISO 14001; ISO 50001; ISO/IEC 17025…) | Cơ quan có thẩm quyền | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 10 | Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm đăng ký (Giấy kiểm phẩm) kèm kết quả phân tích các chỉ tiêu liên quan đạt yêu cầu trong 5 năm trở lại (1 đợt/năm) hoặc các đợt gần nhất trong năm vừa qua | Cơ quan có thẩm quyền/Đại diện đơn vị | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 11 | Báo cáo hàng năm hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch năm sau trong 5 năm trở lại | Đại diện đơn vị | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 12 | Báo cáo Kết quả giám sát môi trường đạt yêu cầu trong 5 năm trở lại | Cơ quan có thẩm quyền | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 13 | Báo cáo tài chính được kiểm toán và kết quả kinh doanh trong 5 năm trở lại | Đại diện đơn vị | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 14 | Báo cáo tình hình xuất khẩu, nội tiêu và thị trường xuất khẩu trong 5 năm trở lại | Đại diện đơn vị | Theo mẫu – Bản gốc |
| 15 | Xác nhận của cơ quan thuế về thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế 5 năm trở lại | Cơ quan có thẩm quyền | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 16 | Thông báo của cơ quan Bảo hiểm xã hội về kết quả đóng BHXH đúng quy định trong 5 năm trở lại | Cơ quan có thẩm quyền | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 17 | Bản Thỏa ước lao động tập thể và các chính sách ưu đãi người lao động của Đơn vị hiện áp dụng | Đại diện đơn vị | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 18 | Ý kiến của khách hàng đối với sản phẩm đăng ký (có thể sử dụng Phiếu ý kiến của khách hàng theo ISO 9001) trong 5 năm trở lại | Khách hàng | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 19 | Bằng khen, giải thưởng cho Đơn vị và sản phẩm về chất lượng, uy tín, năng suất, hiệu quả kinh doanh, sáng kiến, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, trách nhiệm xã hội… | Đại diện đơn vị | Bản sao có xác nhận của đơn vị |
| 20 | Giấy giới thiệu cho cá nhân, tổ chức khác đại diện nộp Hồ sơ đăng ký (nếu có) | Đại diện đơn vị | Bản gốc |